



CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC - CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026
CỦA SỞ TƯ PHÁP VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-STP ngày 31/ 12 /2025 của Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ	CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG						
			VP SỞ	TTTGPLS 1	TTTGPLS 2	TTDVĐG	PCC SỐ 1	PCC SỐ 2	PCC SỐ 4
A	B	1	2	3		4	5	6	7
I	DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH	11.750	250			4.500	2.200	3.000	1.800
1	Số thu lệ phí, phí, dịch vụ	11.750	250			4.500	2.200	3.000	1.800
-	Thu lệ phí	80	80			0	0	0	0
+	Lệ phí quốc tịch, thẻ công chứng viên, chứng chỉ hành nghề luật sư...	80	80						
-	Thu phí	7.170	170				2.200	3.000	1.800
+	Phí sử dụng thông tin, phí thẩm định điều kiện hoạt động lĩnh vực tư pháp...	170	170						
+	Phí công chứng, chứng thực	7.000					2.200	3.000	1.800
-	Thù lao dịch vụ	4.500				4.500			
2	Số phí, lệ phí nộp NSNN	1.750	250				550	500	450
-	Thu lệ phí	80	80						
+	Lệ phí quốc tịch, thẻ công chứng viên, chứng chỉ hành nghề luật sư...	80	80						
-	Thu phí	1.670	170				550	500	450
+	Phí sử dụng thông tin, phí thẩm định điều kiện hoạt động lĩnh vực tư pháp	170	170						
+	Phí công chứng, chứng thực	1.500					550	500	450
3	Nguồn thu phí, thù lao được để lại	10.000				4.500	1.650	2.500	1.350
-	Thu phí	5.500				0	1.650	2.500	1.350
+	Phí sử dụng thông tin, phí thẩm định điều kiện hoạt động lĩnh vực tư pháp	0							
+	Phí công chứng, chứng thực	5.500					1.650	2.500	1.350
-	Thù lao dịch vụ	4.500				4.500			
II	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH								

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ	CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG						
			VP SỞ	TTTGPLS 1	TTTGPLS 2	TTDVĐG	PCC SỐ 1	PCC SỐ 2	PCC SỐ 4
A	B	1	2	3		4	5	6	7
1	Chi quản lý hành chính	14.486	14.486						
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	10.521	10.521						
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ. Đã trừ 10% tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	3.965	3.965						
2	Chi sự nghiệp khác	11.671		7.032	4.639	0	0	0	0
2.1	Kinh phí thường xuyên	5.431		5.431	3.326	0	0	0	0
2.2	Kinh phí không thường xuyên. Đã trừ 10% số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	1.601		1.601	1.313				
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN		1046242	1048066	1101752	1046244	1077456		1044965
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch		1761	1761	1775	1761	1761		1767